

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2022/HS-ST

Ngày 18/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2022/TLST-HS ngày 12/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HS ngày 04/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1978, Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và cư trú hiện nay: Xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Trần Văn P, sinh năm 1939; Mẹ đẻ: Trần Thị H1 sinh năm 1940 (đã chết); Gia đình có 10 anh, chị em, bị cáo là con thứ tám; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1983 hiện lao động tự do và trú tại xóm 3, xã Hùng T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn K, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Phạm Văn Q (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959; Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Trần Thị V, sinh năm 1984 hiện lao động tự do và trú tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Chị Phạm Thị Kim O, Phạm Thị H (vắng mặt tại phiên tòa)

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Đức T2 (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua đơn tố giác của quần chúng nhân dân, hồi 19 giờ ngày 25/5/2022, Tổ công tác của Công an huyện K và Công an xã H đã tiến hành làm việc với Trần Văn T và triệu tập Phạm Văn K đến làm việc liên quan đến hành vi đánh bạc, quá trình điều tra xác định được như sau: Trần Văn T ký hợp đồng làm đại lý bán vé xổ số kiến thiết miền Bắc từ ngày 01/01/2022. Do thấy việc bán xổ số và lô tô cho Nhà nước lợi nhuận thấp nên T đã bán số lô trái phép cho khách tại nhà ở của mình và tự trả thưởng. T bán 01 điểm lô cho khách với số tiền 22.000đồng, việc trúng thưởng sẽ lấy kết quả của xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, nếu trúng thì người mua được 80.000đồng, nếu người mua 01 số lô mà số này trùng với 02, 03 hoặc 04 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt thì được gọi là “trúng lô nhiều nháy” và T phải trả số tiền tương ứng với số “nháy trúng” nhưng tối đa là 03 nháy. Nếu người mua không trúng, T sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra. Hồi 17 giờ 55 phút ngày 25/5/2022, Phạm Văn K sử dụng điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 có số 0866.585.135 nhắn tin đến số 0357.620.818 trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 của Trần Văn T mua 06 số lô tổng 500 điểm với số tiền 11.000.000đồng. Kết quả K không trúng thưởng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa K và T trong ngày là 11.000.000đồng, số tiền đánh bạc chưa thanh toán cho nhau.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ của Trần Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, thu của Phạm Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105. Ngày 07/7/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định để khôi phục dữ liệu trên 02 điện thoại di động đã thu giữ của T và K.

Tại Bản kết luận giám định số 4473/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Tìm thấy 02 tin nhắn SMS/MMS, 01 hình ảnh có nội dung liên quan đến đánh bạc lưu trữ trong máy điện thoại di động của Trần Văn T. Tìm thấy 01 tin nhắn SMS/MMS có nội dung liên quan đến đánh bạc lưu trữ trong máy điện thoại di động của Phạm Văn K. (Có nội dung đánh bạc như đã nêu trên).

Bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 11/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1,3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố trong cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: các bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K phạm tội “Đánh bạc.
 - + Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: bị cáo Trần Văn T từ 25 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.
 - + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: Bị cáo Phạm Văn K từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.
 - Áp dụng Điều 46, 47 BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLHS năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH14.
 - + Tịch thu của Trần Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy 36, và Phạm Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 sung ngân sách nhà nước.
 - + Truy thu từ bị cáo Phạm Văn K 11.000.000đ sung quỹ nhà nước.
 - + Buộc bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K phải nộp 200.000đ án phí hình sự.
- Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh của các bị cáo:

[1.1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K khai nhận hành vi của mình thực hiện đúng như nội dung vụ án tòa án đã nêu . Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ là tin nhắn mua bán số lô giữa hai bị cáo được Bản kết luận giám định số 4473/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Tìm thấy 02 tin nhắn SMS/MMS, 01 hình ảnh có nội dung liên đánh bạc lưu trữ trong máy điện thoại di động của Trần Văn T. Tìm thấy 01 tin quan đến nhắn SMS/MMS có nội dung liên quan đến đánh bạc lưu trữ trong máy điện thoại di động của Phạm Văn K.

[1.2] Từ những những chứng cứ nêu tại mục [1.1] nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ 55 phút ngày 25/5/2022, Phạm Văn K sử dụng điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 có số 0866.585.135 nhắn tin đến số 0357.620.818 trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 của Trần Văn T mua 06 số lô tổng 500 điểm với số tiền mua đặt cược là 11.000.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 BLHS.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “ Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy

định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên hành vi của Trần Văn T và Phạm Văn K đã phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp “tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt đối với các bị cáo:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương cần được xử lý nghiêm. Các bị cáo đủ năng lực, nhận thức rất rõ hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật; song để hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2.2] Trong vụ án này HĐXX thấy tuy các bị cáo tham gia nhưng không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ mà chỉ đồng phạm mang tính giản đơn; Nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

[2.3] Đối với bị cáo Trần Văn T lợi dụng việc làm đại lý bán vé xổ số kiến thiết miền Bắc đã bán số lô trái phép cho khách tại nhà ở của mình và tự trả thưởng nhằm thu lợi bất chính giữ vai trò thứ nhất, mức hình phạt cao hơn bị cáo K. Đối với bị cáo Phạm Văn K biết T bán số lô trái phép nhấn tin đến mua có vai trò thấp hơn bị cáo T, mức hình phạt thấp hơn bị cáo T.

[2.4] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: cả hai bị cáo phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[2.5] Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng, nhân thân của các bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào. HĐXX thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 11.000.000 đồng bị cáo K cá cược với bị cáo T trong ngày 25/5/2022, đây là tiền sử dụng vào việc đánh bạc cần truy thu sung ngân sách nhà nước. Do số tiền đánh bạc này các bị cáo chưa thanh toán cho nhau, vì vậy cần truy thu từ bị cáo K sung ngân sách nhà nước số tiền đó.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 mà cơ quan điều tra tiến hành thu giữ của Trần Văn T và Phạm Văn

K đây là phương tiện hai bị cáo dùng để mua bán số lô với nhau cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả hai bị cáo. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K phạm tội “Đánh bạc” .

2. Xử phạt:

- Phạt bị cáo Trần Văn T 28.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Phạt bị cáo Phạm Văn K 22.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Truy thu từ bị cáo Phạm Văn K 11.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện K và chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T và Phạm Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;

- VKSND huyện K;

- VKSND tỉnh Ninh Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H, K;
- Các bị cáo;
- Lưu VP.

Phạm Thế Anh